



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

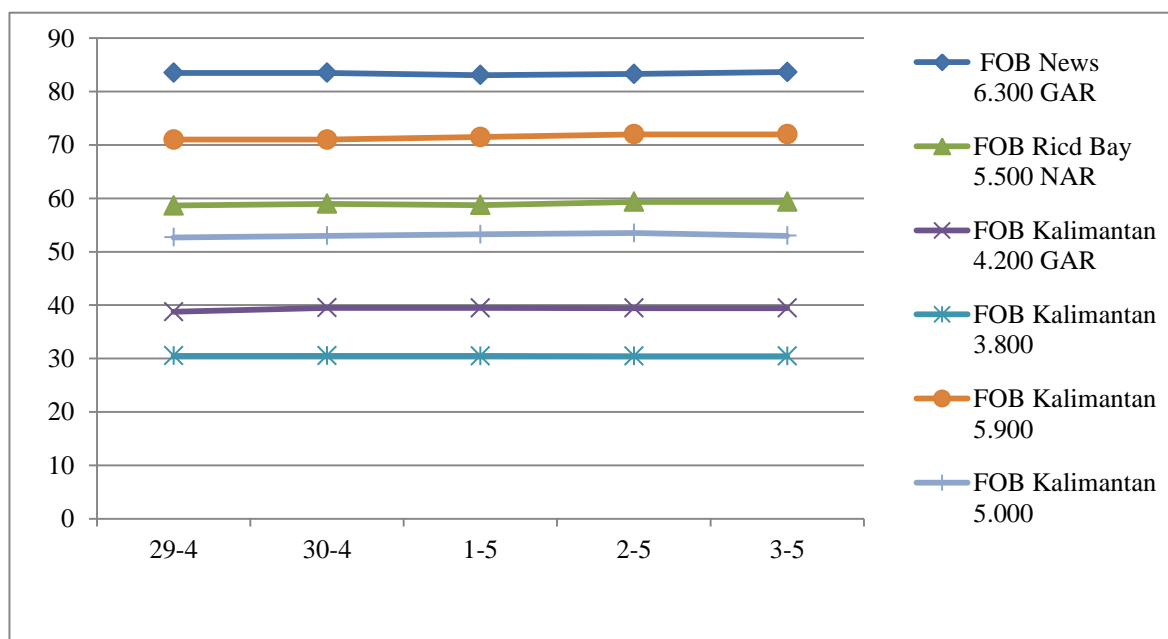
Ngày 13/5/2019

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	83,65	-0,95	N/A	N/A
FOB Newcastle 6.000 NAR	86,19	N/A	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	59,35	-0,90	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	72,00	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	53,50	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	N/A	N/A	N/A	N/A
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	N/A	N/A	N/A	N/A
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	N/A	N/A	N/A	N/A

GIÁ THEO CHUYỂN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 3/5/2019)

ĐIỂM TIN

Sản lượng than trong quý I của Ukraine giảm 7,1% so với năm ngoái xuống còn 7,765 triệu tấn

Mới đây Bộ Năng lượng và Than của Ukraine thông báo sản lượng than của nước này trong quý đầu tiên của năm nay đã giảm 7,1% so với năm ngoái xuống còn 7,7 triệu tấn. Vào tháng 3, Ukraine đã sản xuất 2,6 triệu tấn than, giảm 11,9% so với năm trước. Sản lượng than nhiệt đã giảm 3,1% xuống còn 6,5 triệu tấn trong quý đầu tiên, trong khi sản lượng than cốc giảm 24% xuống còn 1,2 triệu tấn. Sản lượng than tại các khu vực do chính phủ kiểm soát, khu vực Donetsk trong quý đầu tiên giảm 14% xuống còn 2,5 triệu tấn, trong khi sản lượng tại khu vực Luhansk giảm 23,7% xuống còn 111.700 tấn.

Ở các khu vực khác, sản lượng than ở Dnipropetrovsk đã giảm 2% xuống còn 4,7 triệu tấn, ở Lviv, sản lượng giảm 8,6% xuống còn 374.300 tấn và sản lượng tại Volyn giảm 52,2% xuống còn 14.300 tấn. Các mỏ thuộc sở hữu nhà nước đã sản xuất 955.500 tấn than trong quý này, giảm 19,4% so với năm trước. Ukraine đã nhập khẩu 5,25 triệu tấn than nhiệt và than antraxit trị giá 740 triệu USD trong quý I, giảm 8,5% so với năm trước, theo thống kê của nhà nước. Trong đó, 64,4% tổng lượng than nhập khẩu là từ Nga, 28,7% từ Mỹ và 4,2% từ Kazakhstan. Ukraine đã sản xuất 33,29 triệu tấn than trong năm 2018, giảm 4,7% so với năm 2017.

Sản lượng than trong quý I của Trung Quốc tiếp tục tăng trong bối cảnh các mỏ không an toàn chịu kiểm soát nghiêm ngặt

Sản lượng than nguyên khai của Trung Quốc trong quý I đã tăng 0,4% so với cùng kỳ năm ngoái lên 800 triệu tấn, thấp hơn nhiều so với mức tăng 2,7% trong tháng 3, dữ liệu do Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc công bố trong tháng 4. Sản lượng than tăng trưởng chậm do chính quyền đóng cửa các mỏ than không an toàn sau các vụ tai nạn mỏ vào tháng 1 và tháng 2 tại tỉnh Thiểm Tây và Nội Mông. Ngoài ra sản xuất cũng phải tạm dừng trong thời gian Tết Nguyên đán. Sản lượng than dự kiến sẽ tăng cao hơn trong những tháng tới do tốc độ sản xuất tăng nhờ các mỏ hoạt động bình thường trở lại sau khi chịu kiểm tra. Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc đã tuyên bố sẽ khuyến khích xây dựng các mỏ than hiệu quả cao với năng suất ở mức trên 1,2 triệu tấn/năm, trong khi loại bỏ các mỏ kém hiệu quả hơn. Ngoài ra, sản lượng khí đốt của nước này trong quý I đã tăng 9,4% so với năm trước lên 44 tỷ cu m.

Khối lượng than nhập khẩu trong tháng 3 của Thái Lan tăng 5% so với năm trước lên 2,11 triệu tấn

Thái Lan đã nhập khẩu 2,11 triệu tấn than - bao gồm than bitum, than antraxit và các loại than khác - trong tháng 3, tăng 4,9% so với năm ngoái, theo dữ liệu hải quan công bố trong tháng 4. Giá trị than nhập khẩu trong tháng đạt 132 triệu USD, cao hơn 0,8% so với tháng 3 năm 2018.

Trong số này, 461.935 tấn là than bitum, giảm 17,6% so với năm ngoái. Các chuyên hàng than cung cấp cho Thái Lan trong tháng 3 chủ yếu xuất phát từ Nga với 160.354 tấn, trong khi cùng kỳ năm trước nước này không nhập chuyên nào. Với các nguồn cung khác, nhập khẩu từ Indonesia đạt 158.100 tấn, thấp hơn 42,5% so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi Úc ở mức 142.190 tấn, giảm 49,9% so với tháng 3 năm 2018. Nhập khẩu các loại than khác, như than non và sub-bitum, tăng 13,1% so với năm ngoái lên mức 1,61 triệu tấn. Hầu hết khối lượng than này được Indonesia cung cấp với 1,44 triệu tấn, tăng 5,3% so với năm trước. Thái Lan đã nhập khẩu 31.704 tấn than antraxit trong tháng 3, tăng 42,2% so với năm trước, chủ yếu từ Nga.

Trong ba tháng đầu năm, Thái Lan đã nhập khẩu 5,99 triệu tấn than, tăng 7,2% so với năm trước. Khối lượng bao gồm 1,89 triệu tấn than bitum, tăng 4,8% so với năm trước và 4,05 triệu tấn các loại than khác, tăng 8,1% so với năm ngoái. Giá trị than nhập khẩu trong quý đầu tiên đạt 386 triệu USD, tăng 5,8% so với năm trước. Indonesia, Úc và Nga là những nước cung cấp chính trong giai đoạn này.

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	8,10	-0,70
	Queensland	Nhật Bản	9,05	-0,90
	New South Wales	Hàn Quốc	9,90	-0,90
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,25	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,00	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,40	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,65	+0,00
	Australia	Trung Quốc	11,15	+0,15
Australia	Ấn Độ	12,55	+0,30	

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 03/05/2019)